

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040 /QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Chinese Language
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7220204
5. Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6. Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	144 tín chỉ
9. Khoa quản lý:	Khoa Tiếng Trung
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Trung
11. Website:	http://khoatrung.ufl.udn.vn
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập. - Tích lũy đủ 144 tín chỉ. - Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ trung bình trở lên. - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất. - Có chứng chỉ tin học theo quy định - Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định: - o Có chứng chỉ năng lực tiếng Trung bậc 5. - o Có chứng chỉ ngoại ngữ 2 bậc 3.
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
15. Vị trí việc làm:	1) Đảm nhận được công việc hoặc vị trí công tác cấp chuyên viên đối ngoại tại các cơ quan phục vụ đối ngoại, các sở ngoại vụ, tổ chức phi chính phủ, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế, trung tâm, công ty dịch thuật.

	2) Chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các công ty, cơ quan ngoại giao, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế. 3) Chuyên viên giao dịch khách hàng Trung Quốc tại các công ty, doanh nghiệp Trung Quốc hoặc có đối tác Trung Quốc. 4) Chuyên viên nghiệp vụ bán hàng, dịch vụ khách hàng, marketing, hành chính – tổng vụ cho các công ty, doanh nghiệp Trung Quốc hoặc có đối tác Trung Quốc. 5) Chuyên viên lễ tân tại các khách sạn, nhà hàng có khách là người Trung Quốc. 6) Hướng dẫn viên du lịch cho khách du lịch đến từ Trung Quốc.
16. Khả năng nâng cao trình độ:	- Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học trong và ngoài nước. - Vận dụng được kiến thức đã học để tiếp cận, nắm bắt, vận dụng vào những lĩnh vực chuyên môn chưa học chuyên sâu ở nhà trường. - Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí giảng dạy tiếng Trung ở các trường đại học, cao đẳng, trung tâm ngoại ngữ tiếng Trung và các cơ sở đào tạo khác.
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	1. CTĐT ngành Ngôn ngữ Trung Quốc đại học chính quy Đại học Hà Nội, mã số 7220204 Ban hành theo Quyết định số 3467 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của hiệu trưởng trường Đại học Hà Nội. 2. CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh năm 2020.
18. Thời điểm cập nhật bản CTĐT:	2022

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

1. Mục tiêu chung: Đào tạo trình độ cử nhân ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** Người học có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội – nhân văn phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp; có kiến thức về ngôn ngữ học, biên phiên dịch và chuyên ngành được đào tạo

- **PO2:** Người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Trung Quốc để tác nghiệp

- **PO3:** Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và năng lực nghiên cứu vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo

- **PO4:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1:** Áp dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin vào thực tế cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp trong môi trường đa ngôn ngữ, liên văn hóa.
 - **PI 1.1:** Vận dụng các kiến thức KHXH - nhân văn để phân tích các vấn đề liên ngành, đa văn hoá trong học tập và công việc.
 - **PI 1.2:** Áp dụng các kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật vào đời sống và hoạt động nghề nghiệp.
 - **PI 1.3:** Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng của ngoại ngữ thứ 2 (đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương) trong môi trường đa ngôn ngữ, liên văn hóa.
 - **PI 1.4:** Vận dụng được các kiến thức tin học (đạt chuẩn theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hiện hành) trong môi trường học tập và nghiên cứu.
- **PLO2:** Phân tích được các vấn đề liên quan đến văn hóa-xã hội, lịch sử, ngôn ngữ, văn học của Trung Quốc trên cơ sở các kiến thức chuyên ngành;
 - **PI 2.1:** Phân tích được các vấn đề về ngôn ngữ Trung Quốc từ góc độ ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chữ viết, ngữ nghĩa;
 - **PI 2.2:** Phân tích được các yếu tố và giá trị về văn hoá xã hội, lịch sử, văn học nghệ thuật của Trung Quốc;
 - **PI 2.3:** Phân tích được các vấn đề về giao tiếp liên văn hoá giữa Trung Quốc-Việt Nam.
- **PLO3:** Sử dụng thành thạo tiếng Trung Quốc bậc 5 theo thang ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam {hoặc 1 trong các chuẩn sau: (1) Cấp 5 chuẩn đánh giá năng lực Hán ngữ HSK của Trung Quốc; (2) Cấp 5 chuẩn đánh giá năng lực Hoa ngữ TOCFL của Đài

Loan – Trung Quốc; (3) Các chuẩn tương đương hợp pháp khác} để giao tiếp, thuyết trình và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- **PI 3.1:** Trình bày được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo;
- **PI 3.2:** Diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn bằng tiếng Trung Quốc một cách suôn sẻ và chính xác;
- **PI 3.3:** Soạn thảo được các văn bản bằng tiếng Trung có chủ đề liên quan đến ngành được đào tạo một cách chi tiết, rõ ràng, nổi bật được những ý quan trọng.

PLO4A: Có khả năng thực hiện được biên phiên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại.

PI 4A.1: Có khả năng biên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại

PI 4A.2: Có khả năng phiên dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại

PLO4B: Có khả năng thực hiện được một số nghiệp vụ du lịch

PI 4B.1: Có khả năng tổ chức chương trình thăm quan tại các điểm du lịch cụ thể.

PI 4B.2: Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ lễ tân căn bản tại khách sạn như đặt phòng, đăng ký khách, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, thanh toán và tiễn khách.

PLO4C: Có khả năng thực hiện được một số nghiệp vụ thương mại

PI4C.1: Có khả năng thực hiện có hiệu quả các cuộc đàm phán thương mại.

PI4C.2: Có khả năng thực thi, đo lường, đánh giá được hoạt động quản trị marketing phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp.

PLO5: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm hiệu quả.

PI 5.1: Sử dụng linh hoạt các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, thuyết trình, báo cáo.

PI 5.2: Xây dựng và hoàn thành kế hoạch làm việc một cách độc lập.

PI 5.3: Có khả năng làm việc theo nhóm hiệu quả.

PLO6: Thể hiện được năng lực nghiên cứu và năng lực giải quyết vấn đề trong các tình huống chuyên môn nghiệp vụ;

PI 6.1: Phản biện và bảo vệ được quan điểm của cá nhân.

PI 6.2: Giải quyết được các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên ngành tại đơn vị thực tập.

PI 6.3: Xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học phù hợp với chủ đề nghiên cứu

PLO7: Có khả năng đề xuất được các ý tưởng liên quan đến đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

PI 7.1: Đề xuất được ý tưởng mới để giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

PI 7.2: Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực được đào tạo và có liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc.

PLO8: Có đạo đức nghề nghiệp và văn hoá ứng xử phù hợp.

III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
Mục tiêu chung: Đào tạo trình độ cử nhân ngoại ngữ ngành ngôn ngữ Trung Quốc có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.									
Mục tiêu cụ thể:									
PO1.	Người học có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội – nhân văn phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp; có kiến thức về ngôn ngữ học, biên phiên dịch và chuyên ngành được đào tạo	X	X						
PO2.	Người học có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Trung Quốc để tác nghiệp			X	X				
PO3.	Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và năng lực nghiên cứu vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo					X	X		
PO4.	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp							X	X

ĐẠI
HỌC
C
GỮ

IV. Đối sánh CĐR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

Khung trình độ quốc gia CĐR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	X	X	X												
PLO 2	X	X													
PLO 3									X		X				
PLO 4	X	X													
PLO 5				X						X					X
PLO 6					X	X		X	X				X	X	
PLO 7							X								
PLO 8												X			

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
--	--	--

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Văn Long

